

Số: 12 /2022/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý
chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Báo cáo số 157/BC-SYT ngày 16 tháng 02 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện, thường xuyên theo dõi, đánh giá việc thực hiện Quyết định này và báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2022.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Thông tin và Truyền thông, các ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / M

Nơi nhận: M

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế (b/c);
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (b/c);
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh, TTCN và CTTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Các phòng: NNMT, TH;
- Lưu: VT, KGVX (Th.70b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị

QUY ĐỊNH**Về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 07/3/2022
của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ sở y tế bao gồm cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có giấy phép hoạt động theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng, cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở nghiên cứu, xét nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, thử nghiệm y, dược và có phát sinh chất thải rắn y tế; các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến quản lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chất thải rắn y tế bao gồm chất thải y tế nguy hại và chất thải rắn thông thường.
2. Chất thải y tế nguy hại bao gồm chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm.
3. Chất thải rắn thông thường là chất thải được quy định tại Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

Điều 4. Nguyên tắc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế

1. Chất thải y tế nguy hại phải được thu gom, phân loại riêng theo quy định, phân loại riêng với chất thải rắn thông thường ngay tại nguồn phát sinh, tại thời điểm phát sinh và được lưu giữ đúng thời gian quy định.
2. Phương tiện, thiết bị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định, không làm thất thoát chất thải ra bên ngoài.
3. Chất thải y tế nguy hại phát sinh từ các cơ sở y tế trên địa bàn được tập trung xử lý tại các cụm, hạn chế việc xử lý phân tán tại các cơ sở y tế.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN Y TẾ

Điều 5. Thu gom chất thải rắn y tế

1. Thu gom chất thải lây nhiễm:

a) Cơ sở y tế quy định luồng đi và thời điểm thu gom chất thải lây nhiễm phù hợp để hạn chế ảnh hưởng đến khu vực chăm sóc người bệnh và khu vực khác trong cơ sở y tế.

b) Dụng cụ thu gom chất thải phải bảo đảm kín, không rò rỉ dịch thải trong quá trình thu gom.

c) Chất thải lây nhiễm phải thu gom riêng từ nơi phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải tạm thời trong cơ sở y tế. Trước khi thu gom, túi đựng chất thải phải buộc kín miệng, thùng đựng chất thải phải có nắp đậy kín.

d) Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao phải xử lý sơ bộ ở gần nơi phát sinh chất thải để loại bỏ mầm bệnh bằng thiết bị khử khuẩn. Đối với cơ sở y tế không có thiết bị khử khuẩn chất thải, trước khi thu gom túi đựng chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao phải buộc kín miệng túi và tiếp tục bỏ vào túi đựng chất thải lây nhiễm thứ 2, buộc kín miệng túi và bỏ vào thùng thu gom chất thải lây nhiễm, bên ngoài thùng có dán nhãn “CHẤT THẢI CÓ NGUY CƠ LÂY NHIỄM CAO”, được thu gom, lưu giữ riêng tại khu lưu giữ chất thải lây nhiễm để xử lý hoặc chuyển cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

đ) Tần suất thu gom chất thải lây nhiễm từ nơi phát sinh về khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế tối thiểu một lần một ngày. Đối với các cơ sở y tế có lượng chất thải lây nhiễm phát sinh dưới 05 kg trong một ngày, chất thải lây nhiễm được thu gom với tần suất tối thiểu một lần một ngày, chất thải lây nhiễm sắc nhọn được thu gom tối thiểu là một lần một tháng.

2. Thu gom chất thải nguy hại không lây nhiễm:

a) Chất thải nguy hại không lây nhiễm được thu gom, lưu giữ riêng tại khu lưu giữ chất thải trong cơ sở y tế.

b) Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân được thu gom và lưu giữ riêng trong các hộp bằng nhựa hoặc các vật liệu phù hợp, bảo đảm không bị rò rỉ, phát tán hơi thủy ngân ra môi trường.

3. Thu gom chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế và chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế được thu gom riêng.

4. Lưu giữ chất thải rắn y tế: khu vực lưu giữ, kỹ thuật lưu giữ, thời gian lưu giữ của cơ sở y tế, cơ sở xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm cơ sở y tế được quy định tại điều 8 Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

Điều 6. Quản lý chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế

1. Trên cơ sở Danh mục chất thải rắn thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế quy định tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT, cơ sở y tế ban hành danh mục chất thải rắn thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế phù hợp với tình hình phát sinh chất thải của đơn vị.

2. Chất thải lây nhiễm sau khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường được quản lý như chất thải rắn thông thường và được phép thu gom để tái chế. Khi chuyển giao chất thải, cơ sở y tế phải bảo đảm bao bì lưu chứa chất thải được buộc kín, bên ngoài bao bì có biểu tượng chất thải tái chế theo quy định tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT và ghi đầy đủ thông tin vào Sổ bàn giao chất thải đã khử khuẩn đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường phục vụ mục đích tái chế theo quy định tại Phụ lục số III ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

3. Chất thải nhựa được phân loại, thu gom để phục vụ mục đích tái chế hoặc xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Vận chuyển chất thải rắn y tế

1. Cơ sở y tế không tự xử lý chất thải rắn y tế phải thực hiện chuyển giao chất thải y tế theo các quy định sau đây:

a) Chất thải y tế nguy hại phải được chuyển giao cho đơn vị có giấy phép phù hợp theo quy định của pháp luật, số lượng chất thải sau mỗi lần chuyển giao phải được ghi đầy đủ trong sổ giao nhận chất thải theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT và sử dụng chứng từ chất thải nguy hại theo quy định;

b) Chất thải rắn thông thường được chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp để vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đơn vị nhận chuyển giao chất thải rắn y tế phải thực hiện vận chuyển theo quy định, không làm thất thoát chất thải ra bên ngoài. Chất thải rắn y tế phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

3. Cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm do UBND tỉnh phê duyệt; việc bàn giao chất thải y tế để xử lý theo mô hình cụm phải được ghi vào sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại theo quy định tại Phụ lục số VI ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

Điều 8. Xử lý chất thải y tế nguy hại

1. Xử lý theo mô hình Cụm cơ sở y tế (Phụ lục I)

a) Cụm 1: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Đắk Lắk;

b) Cụm 2: Bệnh viện đa khoa (BVĐK) Khu vực 333;

c) Cụm 3: Trung tâm y tế (TTYT) huyện Buôn Đôn;

- d) Cụm 4: TTYT huyện Krông Năng;
- đ) Cụm 5: TTYT huyện Lắk;
- e) Cụm 6: BVĐK Thị xã Buôn Hồ;
- g) Cụm 7: TTYT huyện huyện M'Đrắk;
- h) Cụm 8: TTYT huyện Ea H'leo;
- i) Cụm 9: TTYT huyện Ea Súp;
- k) Cụm 10: TTYT huyện Krông Ana;
- l) Cụm 11: TTYT huyện Krông Bông;
- m) Cụm 12: BVĐK Vùng Tây Nguyên;
- n) Cụm 13: BVĐK TP Buôn Ma Thuột;
- o) Cụm 14: TTYT huyện Krông Búk.

2. Xử lý tại chỗ (Phụ lục II)

a) Đối với những cơ sở y tế có hệ thống xử lý chất thải y tế còn hoạt động và đã được cấp phép tự xử lý chất thải y tế nguy hại thì vẫn tiếp tục vận hành hệ thống để tự xử lý chất thải y tế của đơn vị mình.

b) Khi hệ thống xử lý chất thải của đơn vị ngừng hoạt động, đơn vị chuyển qua xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình Cụm cơ sở y tế như đã quy định.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 9. Kinh phí thực hiện

Kinh phí hỗ trợ công tác quản lý chất thải rắn y tế được lấy từ các nguồn: Kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ cho các đơn vị hoặc các nguồn hỗ trợ khác (nếu có); Nguồn kinh phí thu từ các cơ sở y tế xử lý theo mô hình cụm; Kinh phí thường xuyên của các đơn vị (đối với các cơ sở xử lý tại chỗ); Kinh phí từ nguồn xã hội hóa hoặc các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức tập huấn, phổ biến, truyền thông các quy định về quản lý thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế cho các cơ sở y tế thuộc phạm vi quản lý.

c) Chỉ đạo các cơ sở y tế trực thuộc lập kế hoạch quản lý chất thải rắn y tế.

d) Phối hợp với Sở Tài chính đề xuất phân bổ kinh phí đầu tư, nâng cấp, vận hành công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải y tế nguy hại đối với các cơ sở y tế thuộc thẩm quyền quản lý.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan hướng dẫn xây dựng đơn giá xử lý chất thải rắn y tế đối với các cơ sở y tế xử lý theo Cụm.

e) Tổng hợp, báo cáo kết quả quản lý chất thải rắn y tế trên địa bàn theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn chi tiết cho các cơ sở xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm về phương tiện vận chuyển (yêu cầu đặc thù cho một số loại phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại), thiết bị vận chuyển, bao bì, thiết bị lưu chứa, khu vực lưu giữ chất thải nguy hại cũng như tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải y tế nguy hại.

b) Phối hợp với Sở Y tế tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cơ sở y tế trên địa bàn thực hiện việc vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế theo đúng quy định tại Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tiến hành thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải rắn y tế.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế xây dựng dự thảo Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung khi có sự thay đổi các quy định của pháp luật hoặc thực tế công tác quản lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính

a) Tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ cho Sở Y tế hỗ trợ các cơ sở y tế trong công tác xử lý chất thải rắn y tế.

b) Phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn xây dựng đơn giá, thu phí xử lý chất thải rắn y tế đối với các cơ sở y tế xử lý mô hình cụm.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan Báo, Đài địa phương tổ chức tuyên truyền nội dung của Quy định rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

5. Công an tỉnh

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm trong việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế đối với các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh. Kịp thời thông tin cho Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện công tác quản lý chất thải rắn y tế.

6. UBND các huyện, thị xã, thành phố

Chỉ đạo Phòng Y tế thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác quản lý chất thải rắn y tế tại các cơ sở y tế trên địa bàn và việc thực hiện vận chuyển chất thải rắn y tế từ các cơ sở y tế về Cụm xử lý.

7. Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh

a) Thực hiện quản lý chất thải rắn y tế theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

b) Phân công lãnh đạo cơ sở y tế phụ trách về công tác quản lý chất thải y tế; bố trí cán bộ chuyên trách về công tác quản lý chất thải y tế; giao nhiệm vụ cho khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn hoặc khoa, phòng, bộ phận phụ trách về công tác quản lý chất thải y tế; bố trí người của cơ sở y tế hoặc phối hợp với đơn vị bên ngoài để thực hiện việc vận hành công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải y tế phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ (đối với cơ sở y tế tự xử lý chất thải).

c) Xây dựng kế hoạch quản lý chất thải y tế hoặc tích hợp trong kế hoạch hoạt động chung hằng năm của cơ sở y tế; bố trí kinh phí để thực hiện việc quản lý chất thải rắn y tế.

d) Thực hiện việc xác định các loại chất thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở y tế để áp dụng biện pháp quản lý phù hợp theo quy định của Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

đ) Thực hiện yêu cầu về kế hoạch, biện pháp, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải theo quy định của pháp luật (trong đó bao gồm cả phương án xử lý trong trường hợp lượng chất thải y tế nguy hại gia tăng bất thường do dịch bệnh hoặc lý do bất khả kháng).

e) Tổ chức đào tạo, tập huấn, truyền thông, phổ biến cho viên chức, người lao động và các đối tượng có liên quan các quy định về quản lý chất thải rắn y tế.

g) Bố trí đủ kinh phí, nhân lực hoặc ký hợp đồng với đơn vị bên ngoài để thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế.

h) Thống nhất đơn giá xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trong cụm xử lý với cơ sở xử lý cho cụm theo hướng dẫn của Sở Y tế, Sở Tài chính.

i) Các cơ sở y tế chưa có công trình xử lý chất thải y tế nguy hại đã ký hợp đồng xử lý chất thải y tế với các cơ sở đã được đầu tư trước ngày thời điểm ban hành Quyết định này thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hiệu của hợp đồng.

k) Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 20/2021/TT-BYT./.

Phụ lục I**CÁC CỤM XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH***(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /2022/QĐ-UBND ngày 07 /3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Các cơ sở xử lý theo mô hình cụm	Mô tả công nghệ xử lý				Phạm vi thực hiện	Đơn vị thu gom, vận chuyển
		Loại công nghệ	Công suất thiết kế (kg/h)	Thời gian lắp đặt	Tình trạng hoạt động		
1	Cụm 1: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Lò hấp	40 kg/giờ	2017	Đang hoạt động	Các cơ sở y tế công lập, tư nhân và trạm y tế các xã, phường/thị trấn trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (trừ các cơ sở y tế thuộc cụm 12 và cụm 13), Cư M'gar và Cư Kuin.	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
		Lò đốt	15 kg/giờ	2008	Đang hoạt động, xuống cấp		
2	Cụm 2: BVĐK khu vực 333	Lò hấp	25 kg/giờ	2019	Đang hoạt động	BVĐK khu vực 333, các cơ sở y tế công lập, tư nhân và trạm y tế các xã, phường/thị trấn trên địa bàn huyện Ea Kar, Krông Pắc.	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
		Lò đốt	35 kg/giờ	2012	Đang hoạt động, xuống cấp		
3	Cụm 3: TTYT huyện Buôn Đôn	Lò hấp	8 kg/giờ	2020	Ngưng hoạt động	Các cơ sở y tế công lập, tư nhân và trạm y tế các xã, phường/thị trấn trên địa bàn huyện Buôn Đôn.	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
		Lò đốt	20 kg/giờ	2007	Đang hoạt động, xuống cấp		
4	Cụm 4: TTYT huyện Krông Năng	Lò đốt	15 kg/giờ	2008	Đang hoạt động	Các cơ sở y tế công lập, tư nhân và trạm y tế các xã, phường/thị trấn trên địa bàn huyện Krông Năng.	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
		Lò hấp	8 kg/giờ	2020	Đang hoạt động, xuống cấp		

STT	Các cơ sở xử lý theo mô hình cụm	Mô tả công nghệ xử lý				Phạm vi thực hiện	Đơn vị thu gom, vận chuyển
		Loại công nghệ	Công suất thiết kế (kg/h)	Thời gian lắp đặt	Tình trạng hoạt động		
5	Cụm 5: TTYT huyện Lắk	Lò đốt	15 kg/giờ	2008	Đang hoạt động, xuống cấp	Các cơ sở y tế công lập, tư nhân và trạm y tế các xã, phường/thị trấn trên địa bàn huyện Lắk.	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
		Lò hấp	10 kg/giờ	2017	Đang hoạt động		
6	Cụm 6: BVĐK thị xã Buôn Hồ	Lò đốt	15 kg/giờ	2008	Ngưng hoạt động	Các cơ sở y tế công lập, tư nhân và trạm y tế các xã, phường/thị trấn trên địa bàn thị xã Buôn Hồ.	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
		Lò hấp	40 kg/giờ	2015	Đang sử dụng thường xuyên		
7	Cụm 7: TTYT huyện M'Drắk	Lò đốt	15 kg/giờ	2012	Đang hoạt động, xuống cấp	Các cơ sở y tế công lập, tư nhân và trạm y tế các xã, phường/thị trấn trên địa bàn huyện M'Drắk.	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
8	Cụm 8: TTYT huyện Ea H'leo	Lò đốt	20 kg/giờ	2012	Đang hoạt động, xuống cấp	Các cơ sở y tế công lập, tư nhân và trạm y tế các xã, phường/thị trấn trên địa bàn huyện Ea H'leo.	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
9	Cụm 9: TTYT huyện Ea Súp	Lò đốt	25 kg/giờ	2013	Đang hoạt động, xuống cấp	Các cơ sở y tế công lập, tư nhân và trạm y tế các xã, phường/thị trấn trên địa bàn huyện Ea Súp.	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
10	Cụm 10: TTYT huyện Krông Ana	Lò đốt	20 kg/giờ	2013	Đang hoạt động, xuống cấp	Các cơ sở y tế công lập, tư nhân và trạm y tế các xã, phường, thị trấn trên địa bàn huyện Krông Ana.	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
11	Cụm 11: TTYT huyện	Lò đốt	15 kg/giờ	2013	Đang hoạt động,	Các cơ sở y tế công lập, tư	Tự vận chuyển

STT	Các cơ sở xử lý theo mô hình cụm	Mô tả công nghệ xử lý				Phạm vi thực hiện	Đơn vị thu gom, vận chuyển
		Loại công nghệ	Công suất thiết kế (kg/h)	Thời gian lắp đặt	Tình trạng hoạt động		
	Krông Bông				xuống cấp	nhân và trạm y tế các xã, phường, thị trấn trên địa bàn huyện Krông Bông.	hoặc thuê đơn vị vận chuyển
12	Cụm 12: BVĐK Vùng Tây Nguyên	Lò hấp	150 kg/giờ	2007	Đang hoạt động	BVĐK vùng Tây Nguyên, BVĐK Thiện Hạnh và các cơ phòng khám tư nhân trong phạm vi thành phố Buôn Ma Thuột.	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
13	Cụm 13: BVĐK thành phố Buôn Ma Thuột	Lò đốt	20 kg/giờ	2013	Ngưng hoạt động	BVĐK thành phố Buôn Ma Thuột, TYT các xã, phường thuộc thành phố Buôn Ma Thuột.	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
		Lò hấp	20 kg/giờ	2015	Đang hoạt động		
14	Cụm 14: TTYT huyện Krông Búk	Lò hấp	30 kg/giờ	2020	Đang hoạt động	Các cơ sở y tế công lập, tư nhân và trạm y tế các xã, phường/thị trấn trên địa bàn huyện Krông Búk.	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển

Phụ lục II
XỬ LÝ TẠI CHỖ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /2022/QĐ-UBND ngày 07 /3/2022
của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Cơ sở y tế	Mô tả công nghệ xử lý			
		Loại công nghệ	Công suất thiết kế (kg/h)	Thời gian lắp đặt	Tình trạng hoạt động
1	TTYT huyện Cư M'Gar	Lò đốt	20 kg/giờ	2014	Đang hoạt động, xuống cấp
2	TTYT huyện Ea Kar	Lò đốt	25 kg/giờ	2013	Đang hoạt động, xuống cấp
3	TTYT huyện Krông Păk	Lò đốt	20 kg/giờ	2007	Đang hoạt động, xuống cấp
4	TTYT huyện Cư Kuin	Lò đốt	15 kg/giờ	2007	Đang hoạt động, xuống cấp
5	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Lò đốt	60 kg/giờ	2014	Đang hoạt động
6	Trung tâm Da liễu	Lò đốt	7 kg/giờ	2014	Đang hoạt động, xuống cấp
7	BV Y học cổ truyền	Lò đốt	17 kg/giờ	2014	Đang hoạt động
8	BV Tâm Thần	Lò đốt	20 kg/giờ	2013	Đang hoạt động, xuống cấp
9	BV Mắt Đắk Lắk	Lò đốt	7,5 kg/giờ	2013	Đang hoạt động, xuống cấp
10	BVĐK Thiện Hạnh	Lò đốt	30 kg/giờ	2013	Đang hoạt động
		Lò hấp	50 kg/giờ	2019	Đang hoạt động
11	BVĐK Hòa Bình	Lò đốt	20 kg/giờ	2013	Đang hoạt động
12	BV Nhi Đức Tâm	Lò đốt	3 kg/giờ	2018	Đang hoạt động